

Bản án số: 213/2019/DS-PT

Ngày: 10 - 7 - 2019

“V/v tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh;

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/6/2019 và 10/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2019/TLPT-DS ngày 13/3/2019 về Tranh chấp đòi lại tài sản;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 179/2019/QĐ-PT ngày 02/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn O, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số nhà 216/2, đường Đ, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Văn O là: Luật sư Đặng Hồng Đ – Văn phòng Luật sư Đặng Hồng Đ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Đoàn Văn B, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Số nhà 334, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Đoàn Thanh G, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số nhà 334, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Đoàn Văn B và anh Đoàn Thanh G là: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ 29, khóm M, Phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/6/2019).

- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Văn O là nguyên đơn, ông Đoàn Văn B là bị đơn và anh Đoàn Thanh G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Huỳnh Văn O trình bày:

Ông là anh ruột của ông Huỳnh Văn H, ông H không có vợ con. Cha mẹ các ông là Huỳnh Văn T (chết 1963) và Nguyễn Thị B (chết 1994) sinh ra được ông và ông H. Cha mẹ đã chết nên hiện chỉ có ông là người thừa kế duy nhất của ông H. Trước đây, năm 2003 ông H đi làm thuê cho nhà máy ông Đoàn Văn B, nuôi cá, nuôi vịt và giữ nhà cho ông B tại địa chỉ số 334, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Khi đi làm thuê ông H có giao cho ông giữ 02 giấy chứng nhận QSD đất thửa số 109, tờ bản đồ 36, diện tích 2.719,4m² và thửa số 01, tờ bản đồ 33, diện tích 2.178,1m² đất tọa lạc tại khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 20/9/2016, ông H bị bệnh nhồi máu não, khi ra viện giảm trí nhớ, đi đứng không vững. Ngày 29/11/2016, ông H làm tờ có mất 02 giấy chứng nhận QSD đất gửi đến UBND phường A để xin cấp lại giấy chứng nhận QSD đất. Sau đó, cán bộ UBND phường A mời ông đến để hỏi về giấy chứng nhận QSD đất. Ông xác nhận 02 giấy chứng nhận QSD đất của ông H hiện tại ông đang giữ. Lúc này ông H yêu cầu ông trả lại cho H 02 giấy chứng nhận QSD đất để ông H xây nhà ở. Ngày 20/12/2016 ông mang 02 giấy chứng nhận QSD đất đến UBND phường A giao trả lại cho ông H.

Ngày 19/8/2017 ông H bị bệnh tai biến mạch máu não nằm tại Bệnh viện Đa khoa thành phố S. Ngày 20/8/2017 bác sĩ cho chuyển ông H lên Bệnh viện 115 Thành phố Hồ Chí Minh thì ông có hỏi ông Đoàn Văn B về 02 giấy chứng nhận QSD đất của H. Ông B trả lời là H bán hết rồi, tiền bán đất của H ông thì B đang giữ nhưng ông B không xuất tiền ra để chuyển viện cho ông H. Cùng ngày hôm đó ông có nhờ chị Nguyễn Thị B1 cùng với ông Nguyễn Văn L đến nhà ông B hỏi về số tiền bán đất của ông H gửi ông B còn giữ bao nhiêu. Ông B trả lời còn giữ 420.000.000 đồng, nhưng ông B cũng không xuất tiền ra chuyển viện cho ông H. Đến ngày 03/11/2017 ông H chết tại Bệnh viện đa khoa thành phố S. Sau khi ông H được chôn cất xong ông đến hỏi ông B xin được nhận lại tiền của ông H nhưng ông B không đưa mà cho rằng đã trả chi phí cho ông H nằm viện hết không còn.

Ngày 21/01/2018, ông đến Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S để trích lục hồ sơ địa chính thì mới biết ông H đã chuyển nhượng thửa đất số 01, tờ bản đồ 33, diện tích 2.178,1m² tọa lạc tại phường A, thành phố S cho ông Nguyễn Trọng T1 ngày 20/12/2016 với giá 320.000.000 đồng.

Ngày 13/4/2018 ông có gửi đơn đến phường A xác nhận để tiến hành làm thủ tục xin thừa kế QSD đất thửa 109 còn lại của ông H. Đến ngày 23/4/2018, UBND Phường A xác nhận ông H đã chuyển nhượng thửa đất số 109, tờ bản đồ 36, diện tích 2.719,4m² tại phường A, thành phố S cho ông Nguyễn Văn G vào ngày 24/7/2017. Theo hợp đồng thì giá chuyển nhượng là 272.000.000 đồng nhưng thực tế người làm chứng ông Lê Văn T2 xác nhận là chuyển nhượng với giá 462.298.000 đồng.

Do đó, ông xác định ông B còn nợ và giữ của ông H tổng số tiền là 882.298.000 đồng. Cụ thể, nợ tiền công lao động của ông H 100.000.000 đồng, tiền bán thửa số 01, tờ bản đồ 33, diện tích 2.178,1m² là 320.000.000 đồng, tiền bán thửa đất số 109, tờ bản đồ 36, diện tích 2.719,4m² là 462.298.000 đồng hiện ông B đang giữ. Nay ông không yêu cầu trả 100.000.000 đồng tiền công lao động của ông H, chỉ yêu cầu ông trả số tiền 390.000.000 đồng mà ông B thừa nhận có giữ giữ ông H. Ông đồng ý trừ chi phí hợp lý gồm chi phí ăn uống và tiền viện phí tổng cộng là 809.805 đồng. Còn lại 389.000.000 đồng, trong đó ông yêu cầu ông B và anh G liên đới trả số tiền 150.000.000 đồng mà ông B cho rằng đã đưa cho ông H để ông H đưa cho anh G nhận trả nợ ngân

hàng vì ông H không có vay tiền ngân hàng. Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Đoàn Văn B trình bày.

Ông không đồng ý với yêu cầu của ông O về việc yêu cầu ông trả lại số tiền 389.000.000 đồng là phần di sản của ông Huỳnh Văn H chết để lại do ông đang giữ với những lý do sau:

Năm 2002 ông với ông H có hùn vốn làm ăn với nhau. Ông bỏ vốn ra thuê nhà máy xay lúa, ông H bỏ công ra làm. Tiền thu nhập được thì trừ chi phí phần còn lại chia làm 03 phần, ông 02 phần, ông H 01 phần. Nhà máy hoạt động được 02 năm do không có lãi nên ông và ông H trả lại nhà máy. Sau khi trả nhà máy ông H về ở tạm nhà ông để làm ăn sinh sống. Ai mượn gì ông H làm đó, những ngày không đi làm thì ông H phụ giúp chăn nuôi và trồng trọt cho nhà ông. Ông H làm ngày nào thì ông trả tiền ngày đó.

Năm 2006- 2007 ông với ông H có hùn vốn với nhau để nuôi cá Tra trên đất của ông. Tiền thu được trừ ra các chi phí, phần còn lại chia làm 03 phần, ông 02 phần, ông H 01 phần. Do nuôi cá không có lãi nên thiếu nợ tiền thức ăn. Ông H có nhờ ông nói với anh G là con ông vay tiền ở Ngân hàng cho ông H mượn để trả tiền thức ăn. Việc anh G vay tiền Ngân hàng cho ông H mượn không có làm giấy tờ.

Khoảng năm 2013 ông H bị bệnh tai biến không có khả năng làm việc. Ông thấy vậy cũng cho H ở tạm nhà ông để ông H điều trị bệnh vì ông H không có vợ con chỉ có ông O là anh ruột. Nhưng giữa ông O và ông H không hợp nhau nên ông H không chịu về nhà. Do bệnh ông H ngày càng nặng đến khoảng tháng 11/2017 H chết.

Khoảng năm 2016 ông H có thỏa thuận miệng bán thửa đất số 01, tờ bản đồ 33, diện tích 2.178,1m² tại phường A, thành phố S cho ông Nguyễn Trọng T với giá 320.000.000 đồng. Lúc đó, do ông O đang giữ giấy chứng nhận QSD đất của ông H nên ông H không làm hợp đồng chuyển nhượng QSD đất cho T. Lúc này ông H yêu cầu ông O đưa giấy chứng nhận QSD đất cho ông H để H làm hợp đồng chuyển nhượng đất cho ông T. Ông O đồng ý đưa giấy chứng nhận QSD đất cho ông H nhưng với điều kiện ông H phải đưa cho ông O số tiền 50.000.000 đồng là tiền huê lợi và tiền tạm giữ dùm đất. Ông H cũng đồng ý và đưa cho ông O số tiền 50.000.000 đồng để ông O đưa giấy chứng nhận

QSD đất cho ông H làm hợp đồng chuyển nhượng cho ông T. Trong khoảng thời gian ông H thỏa thuận miệng chuyển nhượng thửa đất cho ông T thì ông T đã đưa tiền cọc trước cho ông H nhiều lần đến khi ông O đưa giấy cho ông H làm hợp đồng chuyển nhượng cho ông T. Tổng cộng số tiền ông giữ dùm ông H là 220.000.000 đồng.

Năm 2017 ông H tiếp tục thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất số 109, tờ bản đồ 36, diện tích 2.719,4m² tại phường A, thành phố S cho Nguyễn Văn G với giá 390.000.000 đồng.

Đối với hai khoản tiền ông H chuyển nhượng đất cho ông T và ông G thì ông H lúc còn sống có gửi tiền cho ông giữ tổng cộng số tiền 390.000.000 đồng, nhưng sau đó H lấy lại tiền nhiều lần để sử dụng vào mục đích gì ông cũng không biết. Trong đó, ông có đưa cho ông H số tiền 150.000.000 đồng để ông H trả tiền cho anh G. Đến khi H bệnh nặng nhập viện ở S 3 tháng liền thì số tiền của ông H gửi ông còn lại 130.000.000 đồng. Ông có dùng số tiền 130.000.000 đồng của H để trả viện phí, tiền thuốc hàng ngày cho H và tiền thuê 05 người chăm sóc cho H hiện nay đã hết không còn.

Vì vậy, ông không đồng ý trả cho ông O số tiền 390.000.000 đồng, mà ông chỉ tự nguyện đồng ý liên đới cùng anh G trả cho ông O số tiền 150.000.000 đồng tiền mà ông B đưa ông H để ông H trả cho anh G tiền vay giùm ngân hàng. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông O, buộc ông trả số tiền 390.000.000 đồng thì ông tự nguyện trả một mình không yêu cầu ai khác liên đới.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Thanh G trình bày:

Năm 2006- 2007 ông Huỳnh Văn H có hùn vốn với ông Đoàn Văn B để nuôi cá Tra. Do nuôi không có lãi nên còn thiếu nợ tiền thức ăn. Lúc này ông H có nhờ ông B nhờ anh đứng ra vay tiền Ngân hàng cho ông H mượn số tiền 130.000.000 đồng để ông H trả tiền thức ăn nuôi cá. Anh đồng ý và vay tiền ở Ngân hàng cho ông H mượn. Việc cho mượn tiền không làm giấy tờ. Sau khi anh vay tiền ở Ngân hàng cho ông H mượn thì ông H không có khả năng trả vốn, lãi. Anh là người đứng ra trả lãi hàng tháng cho Ngân hàng. Đến năm 2017 ông H bán đất và có đưa cho anh số tiền 150.000.000 đồng để trả vốn, lãi cho Ngân hàng.

Anh xác định số tiền 150.000.000 đồng mà ông H trả cho anh nằm trong số tiền 390.000.000 đồng mà ông H gửi ông B giữ giùm. Nay anh đồng ý cùng ông B liên đới trả lại cho ông O số tiền 150.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 102/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố S đã xử.

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Huỳnh Văn O về việc yêu cầu ông Đoàn Văn B có trách nhiệm trả cho ông O số tiền 389.000.000 đồng và yêu cầu ông Đoàn Văn B và anh Đoàn Thanh G có trách nhiệm liên đới trả cho ông O số tiền 150.000.000 đồng là phần di sản của ông Huỳnh Văn H chết để lại cho ông O được hưởng thừa kế theo quy định pháp luật.

Buộc ông Đoàn Văn B có trách nhiệm trả tiền chuyển nhượng đất của ông H cho ông Huỳnh Văn O số tiền 292.490.150 đồng là phần di sản của ông Huỳnh Văn H chết để lại, cho ông O được hưởng thừa kế theo quy định pháp luật.

Ông Đoàn Văn B có trách nhiệm liên đới cùng anh Đoàn Thanh G trả lại cho ông Huỳnh Văn O số tiền 150.000.000 đồng là phần di sản của ông Huỳnh Văn H chết để lại, cho ông O được hưởng thừa kế theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

+ Ngày 14/12/2018 ông Huỳnh Văn O là nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, ông không đồng ý chi phí nuôi bệnh ông H với số tiền là 90.300.000 đồng. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại tiền chi phí nuôi bệnh ông H theo quy định của pháp luật.

+ Ngày 14/12/2018 ông Đoàn Văn B là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn O.

+ Ngày 14/12/2018 anh Đoàn Thanh G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn O.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của mình, không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết của vụ án.

Vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Văn O phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa phúc thẩm do phát sinh người đồng thừa kế của ông H và nếu được thì đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết luôn tại phiên tòa chấp nhận kháng cáo của ông O, sửa bản án sơ thẩm. Trường hợp nếu không được thì đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Do Tòa án cấp sơ thẩm không đưa anh Nguyễn Văn L vào tham gia tố tụng trong vụ án là thiếu tư cách đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Đoàn Văn B thừa nhận có giữ giùm tiền chuyển nhượng 02 thửa đất của ông Huỳnh Văn H là 390.000.000 đồng, nhưng sau đó ông H đã lấy lại nhiều lần và ông có đưa cho ông H số tiền 150.000.000 đồng để ông H trả tiền cho anh G. Do trước đây ông H nhờ anh G vay tiền Ngân hàng cho ông H. Khi ông H bệnh nặng phải nhập viện 03 tháng liền thì số tiền còn lại của ông H gửi ông là 130.000.000 đồng. Ông lấy số tiền 130.000.000 đồng trả tiền chi phí cho ông H nhập viện điều trị bệnh và thuê người nuôi bệnh cho ông H nên đã chi hết số tiền này. Tuy nhiên, ông không có đủ chứng cứ để chứng minh là ông H đã lấy lại nhiều lần và trả tiền chi phí cho ông H điều trị bệnh hết số tiền nêu trên. Do đó, ông O yêu cầu ông B trả số tiền 390.000.000 đồng trừ chi phí hợp lý gồm chi phí ăn uống và tiền viện phí cho ông H tổng cộng 809.805 đồng là có căn cứ một phần.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ông O khai ngoài ông ra thì ông H còn có một người em cùng mẹ khác cha tên là Nguyễn Văn L. Căn cứ vào biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2019 và tại phiên tòa hôm nay anh L cũng xác định anh là em cùng mẹ khác cha với ông H và ông O. Trước đây, khi ông H bán đất có kêu anh về cho 100.000.000 đồng, nhưng anh chưa kịp về thì ông H chết. Việc ông O khởi kiện ông B và anh G về số tiền ông H gửi cho ông B ở Tòa án cấp sơ thẩm anh không biết. Vì vậy, anh yêu cầu ông B phải trả cho anh 100.000.000 đồng, số còn lại để ông O được hưởng. Anh không đồng ý để ông O nhận tiền rồi sau đó chia cho anh. Mặt khác, ông O cũng không đồng ý để anh L nhận 100.000.000 đồng từ ông B mà để anh em ông tự thỏa thuận sau.

Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm phát sinh anh L người đồng thừa kế của ông H mà tòa án cấp sơ thẩm không đưa anh L vào tham gia tố tụng trong vụ án là thiếu tư cách đương sự. Trong khi anh L cũng có yêu cầu được hưởng di sản của ông H, nên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, phải hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án cho đúng với quy định của pháp luật.

[3] Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa anh L vào tham gia tố tụng trong vụ án là do bà Phan Thị Kim E là người đại diện cho ông O ở cấp sơ thẩm không khai ra, mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm có hỏi về những người đồng thừa kế của ông H và các đương sự khác cũng không biết được. Vì vậy, thiếu sót này không phải do lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm.

Xét ý kiến của vị luật sư và vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do thiếu tư cách đương sự là phù hợp như đã phân tích ở trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 102/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố S.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố S giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí:

- Ông Huỳnh Văn O không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.
- Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác (nếu có) sẽ được xác định lại khi vụ án được tiếp tục giải quyết.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND thành phố S;
- CCTHADS thành phố S;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt